
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
MÔN: LUẬT NGÂN HÀNG

B. CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về ngân hàng (NH) và pháp luật ngân hàng

- Lịch sử hình thành và phát triển của NH và hoạt động NH;
- Phương pháp điều chỉnh của Luật NH;
- Quan hệ pháp luật ngân hàng.

Chương 2: Địa vị pháp lý của các Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN)

- Khái niệm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Nhiệm vụ và quyền hạn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Chế độ pháp lý về hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Chương 3: Địa vị pháp lý của các Tổ chức tín dụng (TCTD)

- Khái niệm, đặc điểm, phân loại các hình thức tổ chức tín dụng;
- Điều kiện thành lập, hoạt động của TCTD;
- Hoạt động của TCTD;
- Các hạn chế liên quan đến hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng;
- Bảo hiểm tiền gửi.

Chương 4: Pháp luật về quản lý nhà nước về tiền tệ và ngoại hối

- Quản lý nhà nước về tiền tệ;
- Quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động quản lý ngoại hối;

Chương 5: Pháp luật về hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng

- Chế độ pháp lý về hoạt động cho vay;

- Bao thanh toán, cho thuê tài chính;
- Pháp luật về các biện pháp bảo đảm tiền vay.

Chương 6: Pháp luật về dịch vụ thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

- Pháp luật về các phương thức thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

B. CÁCH THỨC ÔN TẬP

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về ngân hàng (NH) và pháp luật ngân hàng

- Lịch sử hình thành và phát triển của NH và hoạt động NH
 - xác định được hệ thống ngân hàng hiện nay là hệ thống ngân hàng mấy cấp, các nghiệp vụ ngân hàng được áp dụng như thế nào trong từng hệ thống ngân hàng
 - xem Giáo trình Luật Ngân hàng (*Tái bản*), trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh (**Giáo trình**), trang 32-37
- Phương pháp điều chỉnh của Luật NH
 - xác định được các phương pháp điều chỉnh được áp dụng của Luật ngân hàng
 - xem Giáo trình, trang 66-72
- Quan hệ pháp luật ngân hàng
 - hiểu khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật ngân hàng
 - xác định các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật ngân hàng
 - xem Giáo trình, trang 78-81

Chương 2: Địa vị pháp lý của các Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN)

- Khái niệm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - xác định được vị trí, vai trò của NHNNVN
- Chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - xác định được 2 chức năng chính
 - xem Giáo trình, trang 101-107
- Nhiệm vụ và quyền hạn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

→ xem Giáo trình, trang 107-110

- Chế độ pháp lý về hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

→ hiểu được các hoạt động của NHNN

→ xem Giáo trình, trang 121 - 144

Chương 3: Địa vị pháp lý của các Tổ chức tín dụng (TCTD)

- Khái niệm, đặc điểm, phân loại các hình thức tổ chức tín dụng

→ hiểu khái niệm, đặc trưng của từng loại hình TCTD

→ xem Giáo trình, trang 146-164

- Điều kiện thành lập, hoạt động của TCTD

→ hiểu được ý nghĩa của các quy định về điều kiện thành lập

- Hoạt động của TCTD

→ đặc điểm của từng hoạt động của TCTD

→ xem Giáo trình, trang 190-207

- Các hạn chế liên quan đến hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng

→ xác định được hành vi nào, đối tượng nào bị cấm; bị hạn chế được cấp tín dụng

→ xem Giáo trình, trang 210-221

- Bảo hiểm tiền gửi

→ ý nghĩa, vai trò của bảo hiểm tiền gửi

→ xem Giáo trình, trang 210-226

Chương 4: Pháp luật về quản lý nhà nước về tiền tệ và ngoại hối

- Quản lý nhà nước về tiền tệ.

→ xem Giáo trình, trang 233-243

- Quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động quản lý ngoại hối

→ quản lý nhà nước về dự trữ ngoại hối và tỷ giá hối đoái

→ xem Giáo trình, trang 270-278

Chương 5: Pháp luật về hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng

- Chế độ pháp lý về hoạt động cho vay.
 - hiểu đặc trưng, nguyên tắc của hoạt động cho vay, các yếu tố cấu thành hợp đồng tín dụng
 - xem Giáo trình, trang 308-331
- Bao thanh toán, cho thuê tài chính
 - khái niệm, đặc điểm của từng loại hình
 - xem Giáo trình, trang 373-386
- Pháp luật về các biện pháp bảo đảm tiền vay
 - xác định các hình thức bảo đảm tiền vay được áp dụng
 - mối quan hệ giữa bảo đảm tiền vay và hợp đồng tín dụng → xử lý tài sản bảo đảm
 - xem Giáo trình, trang 331 - 357

Chương 6: Pháp luật về dịch vụ thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

- Pháp luật về các phương thức thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán
 - khái niệm, đặc điểm thanh toán bằng séc
 - xem Giáo trình, trang 413-435

C. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA

1. Hình thức kiểm tra và kết cấu đề

Đề kiểm tra bao gồm ba phần: Nhận định Đúng hay Sai, câu hỏi lý thuyết và bài tập tình huống.

- **Phần nhận định Đúng hay Sai** có 04 câu, mỗi câu 01 điểm (04 điểm) được phân phối như sau:
 - Chương 1 - 2: 1 câu
 - Chương 3: 1 câu
 - Chương 4: 1 câu

- Chương 5 - 6: 1 câu
- **Phần câu hỏi lý thuyết** có 01 câu (03 điểm), tập trung vào các vấn đề như sau:
 - Chức năng ngân hàng nhà nước
 - Tái cấp vốn
 - Tỷ giá hối đoái của Đồng Việt Nam
 - Nghiệp vụ thị trường mở
 - Dự trữ bắt buộc
 - Kiểm soát đặc biệt
 - Cho thuê tài chính
 - Bảo đảm trong tín dụng
 - Các trường hợp cấm, hạn chế cấp tín dụng
- **Phần bài tập tình huống** (03 điểm), bao gồm các dữ liệu tình tiết cụ thể, có 03 câu hỏi nhỏ, mỗi câu hỏi nhỏ 01 điểm, tập trung vào các vấn đề sau:
 - Hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng thương mại
 - Hoạt động kinh doanh của công ty tài chính
 - Hoạt động của ngân hàng nhà nước
 - Biện pháp bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm

2. Hướng dẫn cách làm bài phần Nhận định Đúng hay Sai

- Khẳng định câu hỏi Đúng – Sai trước, nêu căn cứ pháp lý, trích dẫn căn cứ pháp lý/lập luận ngắn gọn → kết luận
- Chọn câu dễ làm trước.

3. Hướng dẫn làm bài phần câu hỏi lý thuyết

- Trước hết phải tìm yêu cầu của bài, gạch dưới và đọc thật kỹ để làm đúng và vừa đủ theo yêu cầu của bài. Làm thừa so với yêu cầu sẽ không được tính điểm, mất thời gian vô ích.
- Chép bài người khác sẽ không được tính điểm.

- Nêu khái niệm, căn cứ pháp lý, trích dẫn căn cứ pháp lý → lập luận theo yêu cầu của câu hỏi

4. Hướng dẫn làm bài phần Bài tập tình huống

- Trước hết phải tìm yêu cầu của bài, gạch dưới và đọc thật kỹ để làm đúng và vừa đủ theo yêu cầu của bài. Làm thừa so với yêu cầu sẽ không được tính điểm, mất thời gian vô ích.
- Căn cứ pháp lý, trích dẫn căn cứ pháp lý → lập luận theo yêu cầu của câu hỏi

D. ĐỀ THI MẪU VÀ ĐÁP ÁN

Phần 1: Nhận định Đúng – Sai. Giải thích ngắn gọn

Hỏi: Trong hoạt động ngân hàng, các ngân hàng không bao giờ có sự giúp đỡ, hỗ trợ vốn lẫn nhau.

Trả lời:

- Sai. (0,25)

- Giải thích: Vì hoạt động ngân hàng được xây dựng và tồn tại rất nhiều từ lòng tin của người dân vào hệ thống ngân hàng (0,25). Vì tin tưởng người dân mới gửi tiền vào các ngân hàng và ngân hàng sử dụng tiền huy động được để cấp tín dụng (0,25). Do vậy, khi cần thiết, các ngân hàng cần hỗ trợ nhau để đảm bảo khả năng thanh toán, củng cố lòng tin của người gửi tiền vào trong hệ thống ngân hàng, đảm bảo cho sự phát triển ổn định của hệ thống ngân hàng (0,25).

Phần 2: Câu hỏi lý thuyết

Hỏi: Hãy chứng minh Ngân hàng nhà nước là ngân hàng của các ngân hàng.

Trả lời:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 2 Luật NHNN (0,25 điểm) thì “Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam là ngân hàng trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (0,25 điểm). NHNN sẽ cho các tổ chức tín dụng (TCTD) vay vốn theo hình thức tái cấp vốn (0,5 điểm) hoặc cho vay trong trường hợp đặc biệt (0,5 điểm) theo qui định tại Điều 24 Luật NHNN (0,25 điểm) và điều 151 Luật các TCTD (0,25 điểm).

- Nêu rõ thêm việc cấp tín dụng theo điều 24 Luật NHNN (1 điểm)

Phần 3: Bài tập tình huống

Bài tập:

Công ty cổ phần (CTCP) Tân Thành xây dựng nhà xưởng tại Bình Tân, Tp.HCM. Tuy nhiên do thiếu vốn để xây dựng, công ty Tân Thành đã nộp đơn xin vay 20 tỷ đồng tại ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) Nga Úc. Ngân hàng thương mại Nga Úc đã yêu cầu CTCP Tân Thành cần có tài sản đảm bảo cho khoản vay nói trên. CTCP Tân Thành đã nhờ ông Hoàng, là cổ đông đang nắm giữ 5% cổ phần của NHTMCP Nga Úc dùng quyền sở hữu 10 ha đất tại Hóc Môn, Tp.HCM làm tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên.

a. Việc ông Hoàng dùng quyền sử dụng lô đất 10 ha tại Hóc Môn, Tp.HCM đảm bảo cho khoản vay nêu trên là đúng hay sai theo qui định của pháp luật? Tại sao?

b. Giao dịch bảo đảm trên có cần phải đăng ký giao dịch bảo đảm không? Việc đăng ký giao dịch bảo đảm này sẽ đem lại cho ngân hàng Nga Úc quyền và lợi ích gì?

c. Giả sử, ông Hoàng muốn vay vốn tại Ngân hàng Nga Úc và dùng cổ phiếu của Ngân hàng Nga Úc làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của mình được hay không? Tại sao?

Trả lời:

a. Việc làm của ông Hoàng là đúng (0,25 điểm). Vì tài sản này thỏa mãn các điều kiện: tài sản có thật, tài sản thuộc sở hữu của ông Hoàng, tài sản không bị hạn chế chuyển nhượng (0,25 điểm). Ngoài ra, ông Hoàng mặc dù là cổ đông lớn nhưng ông không phải chủ thể đi vay mà chỉ là bên thứ ba bảo đảm cho khoản vay của người đi vay (0,25 điểm). Vì vậy pháp luật không cấm. (0,25 điểm)

b. Giao dịch trên cần phải đăng ký giao dịch bảo đảm (0,25). Vì căn cứ vào Khoản 1 Điều 12 NBĐ 163/2006/NĐ-CP (0,25 điểm) thì đây là trường hợp bắt buộc phải đăng ký giao dịch bảo đảm (0,25 điểm). Việc đăng ký này đem lại cho NH nhiều lợi ích: đảm bảo tính hiệu lực của giao dịch bảo đảm, đảm bảo thứ tự ưu tiên thanh toán, đảm bảo tính minh bạch và rõ ràng, hạn chế rủi ro cho NH (0,25 điểm)

c. Không (0,25 điểm). Vì theo Khoản 5 Điều 126 Luật các TCTD (0,25 điểm) ...thì không được (0,25 điểm). Qui định này nhằm đảm bảo sự an toàn cho TCTD khi cấp tín dụng (0,25 điểm)

- Hết -